TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 729/2025/QĐST - HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 338/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc C**, sinh ngày: 01/05/1995;

CCCD số: 087195000563; Ngày cấp: 10/04/2021;

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: B7/6A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Trần Minh Đ**, sinh năm: 12/10/1991;

CCCD số: 079091011355; Ngày cấp: 16/09/2022;

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: B7/6A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1995 và ông Trần Minh Đ, sinh năm 1991.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Ngọc C và ông Trần Minh Đ đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 248 Quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 12 năm 2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc C và ông Trần Minh Đ có 01 (một) con chung tên Trần Minh L, giới tính: Nam, sinh ngày 05/04/2013. Khi ly hôn, bà Nguyễn Ngọc C và ông Trần Minh Đ cùng thỏa thuận giao trẻ Trần Minh L cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Minh Đ.

Ông Đ có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc C và ông Trần Minh Đ xác nhận không có.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc C và ông Trần Minh Đ xác nhận không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc C tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Ngọc C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008902 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Ngọc C được nhận lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

III. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND KV10 – TP.HCM; (2)
- THADS TP.HCM; (1)
- UBND xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); (1)
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ; (2) (3)

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Duy Linh